TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 418/2020/DS-ST
Ngày: 24/11/2020
Vụ án: "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - chủ tọa phiên tòa : Ông Võ Văn Đức

Hội thẩm nhân dân : 1/ Bà Phạm Thị Lan
2/ Ông Đỗ Tiến Bình

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 348/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc "đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 215/2020/QĐST-DS ngày 29/10/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thúy A, sinh năm 1959
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim B – sinh năm 1979
Địa chỉ: 400 Đường C, phường Z, quận Q.
Theo Giấy ủy quyền ngày 20/9/2016 , (có mặt)

Bị đơn:

1. Bà Lê Bùi Tường V, sinh năm 1973
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1954
Địa chỉ:12H Đường X, phường Đ, Quận W, Tp. Hồ Chí Minh
Theo Giấy ủy quyền ngày 20/5/2017. (vắng mặt)
2. Ông Phạm Quang T, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: 63/6 (số cũ 3/15) Đường M, Phường L, quận Q, Tp. Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Quang S (vắng mặt)
Địa chỉ: 106 Cư xá T, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Hà Thúy A ngày 17/5/2016 về việc "Đòi tài sản", đối với bà Lê Bùi Tường V và ông Phạm Quang T được Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và đã xét xử, ban hành bản án dân sự sơ thẩm số 517/2006/DS-ST ngày 26/9/2016, do bản án bị kháng cáo, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử, ban hành bản án phúc thẩm số 649/2017/DS-PT ngày 03/8/2017; Quyết định Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 517/2006/DS-ST ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình; giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 10 năm 2017 Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý lại vụ án dân sự số 348/2017/TLST-DS. Theo đơn khởi kiện của bà Hà Thúy A đối với bà Lê Bùi Tường V và ông Phạm Quang T, được bổ sung tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà Nguyễn Thị Kim B đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 02/9/2008 bà Lê Bùi Tường V và ông Phạm Quang T có ký giấy và mượn tiền của bà Hà Thúy A với số tiền 200.000.000 đồng, đến ngày 06/11/2008 một mình ông T ký giấy và mượn tiền của bà Hà Thúy A 120.000.000 đồng, tổng cộng là 320.000.000 đồng. Theo bà A khai hai bên có thỏa thuận mức lãi suất là 4%/tháng. Ông T và bà V đã trả lãi được 40.000.000 đồng, ông T hẹn đến 01/9/2011 sẽ trả. Tuy nhiên cho đến nay ông T, bà V vẫn chưa trả hết tiền cho bà A nên bà A làm đơn khởi kiện ông T và bà V để yêu cầu đòi tài sản là số tiền nêu trên.

Do ông T bà V đã ly hôn theo bản án ly hôn sơ thẩm số 74/2001/HN-ST ngày 02/11/2001 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình nên đối với số nợ 200.000.000đồng do ông T bà V cùng ký chung giấy mượn nợ, nay bà A yêu cầu mỗi người phải trả 100.000.000đồng. Sau khi bà Hạnh nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, ngày 22/12/2016 bà V nhờ người chuyển khoản cho bà A qua Ngân hàng Sacombank, với nội dung "chị V trả tiền cho chị A" 2.000.000 đồng, vậy bà V còn nợ lại 98.000.000 đồng theo Giấy mượm tiền ngày 02/9/2008, ông T phải chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại 100.000.000đồng. Ngoài ra ông T mượn của bà A 120.000.000đồng theo Giấy mượm tiền ngày 06/11/2008 do chỉ có một mình ông T ký tên, do vậy ông T phải có nghĩa vụ trả số nợ này, tổng cộng ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà A số nợ 100.000.000 + 120.000.000 = 220.000.000đồng.

Bà A khai số tiền 320.000.000 đồng bà cho ông T và bà V vay là tài sản riêng của bà A, không liên quan đến chồng bà, tại Bản tự khai ngày 15/7/2016, ông Nguyễn Quang S là chồng bà A cũng thừa nhận và trong biên bản hòa giải ngày 07/8/2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, ông khai số tiền bà A cho ông T, bà V mượn là tài sản riêng của cá nhân bà A, không liên quan đến ông. Ông không có yêu cầu giải quyết gì trong vụ án và yêu cầu Tòa án không đưa ông tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn:

Ông Phạm Quang T trình bày:

Ông thừa nhận giấy mượn nợ ngày 02/9/2008 là vợ chồng bà Lê Bùi Tường V và ông Phạm Quang T ký vay số tiền 200.000.000 đồng và giấy mượn nợ ngày 06/11/2008 một mình ông vay 120.000.000 đồng, hai giấy mượn nợ do bà Hà Thúy A xuất trình là đúng, nhưng ông đã trả hết số nợ cho bà A vào năm 2012, có ghi vào sổ nợ nhưng bị bà A lừa lấy lại sổ trả nợ.

Phía ông T yêu cầu tòa án tổ chức đối chất giữa ông với ông Nguyễn Quang S là chồng bà A vì ông cho rằng hàng tháng ông trả tiền cho bà A; ông S đến nhận tiền và có ghi vào cuốn sổ tay thay sổ nợ, trả hết nợ vào năm 2011; nhưng ông cho rằng bà A đã lừa đối con ông là Phạm Lê Gia G để lấy lại sổ trả nợ cho bà A.

Nay bà A yêu cầu ông trả nợ, ông không đồng ý.

Bà Lê Bùi Tường V trình bày:

Trong bản tự khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình của bà Trần Thị Ngọc N ngày 27/12/2017, nộp cho Tòa ngày 31/01/2018, người đại diện theo ủy quyền bà Lê Bùi Tường V trình bày:

Vào năm 2008 bà Lê Bùi Tường V và ông Phạm Quang Tcó vay của bà Hạnh 320.000.000 đồng là đúng nhưng nghĩa vụ trả nợ ông T cam kết sẽ trả khoản vay đó, không liên quan gì đến bà V, đến năm 2012 ông T trả hết số nợ vay, nhưng bà A đã lừa Sóc N tên Phan Lê Ngọc G là con gái của ông T bà V, lúc đó Sóc N được 7 tuổi, để lấy lại sổ ghi nợ đã nhận đủ tiền trả nợ. Trong giấy vay nợ đợt 1: 200.000.000 đồng, có ông T bà V ký tên nhưng nghĩa vụ trả nợ là ông T, giấy vay nợ đợt 2 là 120.000.000 đồng không liên quan đến bà V. Lúc bà A khởi kiện bà V có trả cho bà A 2.000.000 đồng, trong bản tự khai của bà N ngày 27/12/2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, bà N khai: bà V không biết là tiền trả chai nước hoa hiệu chanel bà A bán cho bà V.

Nay bà A yêu cầu bà V trả nợ, bà V không đồng ý.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn như đã trình bày. Yêu cầu ông T trả 220.000.000đồng và bà V phải trả 98.000.000đồng; đây là trả số tiền nợ gốc bà A không yêu cầu trả lãi, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Bị đơn : Bà Lê Bùi Tường V và ông Phạm Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ kiện bà A khởi kiện ông T bà V "đòi tài sản" là số tiền 318.000.000đồng thì Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện là phù hợp với điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, tuy nhiên Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án có vi phạm điểm a, khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền:

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 02/9/2008 do bà Lê Bùi Tường V và ông Phạm Quang T ký mượn tiền 200.000.000đồng của bà A và giấy mượn tiền ngày 06/11/2008 do ông Phạm Quang T ký mượn của bà A 120.000.000đồng, trong thời gian mượn nợ, ngày 22/12/2016 bà V có trả cho bà A 2.000.000 đồng; theo bà A thì ông T bà V chưa thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ, nên bà Hà Thúy A khởi kiện ông T và bà V đòi tài sản là số tiền 318.000.000 đồng. Xét đơn khởi kiện của bà A là phù hợp với quy định của luật pháp. Do ông Phạm Quang T và bà Lê Bùi Tường V cư trú tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Do bà Hà Thúy A khởi kiện ông Phạm Quang T và bà Lê Bùi Tường V đòi tài sản nên bà A tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn là hợp lẽ, bà A lập giấy ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim B, giấy ủy quyền có Phòng Công chứng số 4, thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 20/9/2016 là hợp lệ.

Bị đơn: Bà Lê Bùi Tường V và ông Phạm Quang T bị bà Hà Thúy A khởi kiện nên ông T và bà V tham gia tố tụng với tư cách bị đơn, bà Lê Bùi Tường V lập giấy ủy quyền cho bà Trần Thị Ngọc N, giấy ủy quyền có Văn phòng Công chứng Bình Thạnh chứng nhận ngày 20/5/2017 là hợp lệ.

[3] Người người tham gia tố tụng khác:

- *Người làm chứng:* Theo trình bày của ông Phạm Quang T và ông Nguyễn Quang S nên Tòa án đưa ông S vào tham gia tố tụng với tư cách Người làm chứng là hợp lệ.

[4]. Về sự tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:

Trong vụ án này Tòa án nhân dân quận Tân Bình tiến hành đối chất bị đơn là ông Phạm Quang T với đơn với Người làm chứng là ông Nguyễn Quang S theo điểm b, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Viện kiểm sát quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với Điều 21, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5]. Nội dung tranh chấp: Bà Hà Thúy A khởi kiện ông Phạm Quang T, bà Lê Bùi Tường V yêu cầu đòi tài sản là số tiền của hai giấy mượn tiền ngày 02/9/2008 và ngày 06/11/2008, ông T bà V cho rằng đã trả hết nợ, bà A cho rằng ông T bà V chưa trả hết nợ.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; việc bà A khởi kiện ông T bà V "đòi tài sản" là số tiền 318.000.000 đồng thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Đây là nội dung cần xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: Giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Bị đơn: Bà Lê Bùi Tường V và ông Phạm Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không rõ ý kiến và yêu cầu.

Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo luật định.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của phía nguyên đơn và sự thừa nhận của bà V ông T qua các giấy mượn tiền ngày 02/9/2008 và ngày 06/11/2008 Hội đồng xét xử nhận thấy ông Phạm Quang T và bà Lê Bùi Tường V có mượn nợ của bà Hà Thúy A số tiền 320.000.000 đồng.

Theo bà A khai hai bên có thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Ông T và bà V đã trả lãi được 40.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy nếu tính thời gian từ tháng 9/2008 và tháng 11/2008 cho đến tháng 9/2011 với lãi xuất cơ bản của Ngân hàng nhà nước thì khoản lãi của số tiền 320.000.000 đồng thì số tiền lãi đã cao hơn số tiền 40.000.000 đồng, do vậy không xem xét lại tiền lãi ông T bà V đã trả cho bà A.

Tại 02 giấy mượn tiền ngày 02/9/2008 và ngày 06/11/2008 ông T có ghi dòng chữ " … cam kết bắt đầu từ 01/9/2011 sẽ hoàn trả.", trong bản tự khai của bà N ngày

27/12/2017 bà N cho rằng như vậy, nghĩa vụ trả nợ là của ông T. Tuy nhiên mãi cho đến nay ông T vẫn chưa trả nợ cho bà A, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là việc chuyển giao nghĩa vụ theo điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng bà N cũng như ông T không xuất trình được chứng cứ nào để chứng minh bên có quyền là bà A chấp nhận việc chuyển giao nghĩa vụ này.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn khai: trong quá trình chờ Tòa án giải quyết vụ kiện, ngày 22/12/2016 bà V có chuyển qua tài khoản trả cho bà A số tiền 2.000.000 đồng, bà N đại diện theo ủy quyền của bà V cho rằng trong lúc bà A khởi kiện bà V có chuyển khoản trả cho bà A 2.000.000đồng, trong bản tự khai của bà N ngày 27/12/2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, bà N khai: "bà V không biết là tiền trả chai nước hoa hiệu chanel bà Hạnh bán cho bà V", nhưng bà N không xuất trình được chứng cứ nào để chứng minh giữa bà V với bà A có việc mua bán nước hoa với nhau hoặc có quan hệ nợ nần nào khác.

Việc ông T, bà N khai rằng bà A đã lừa dối con gái ông T bà V là Sóc N tên Phan Lê Ngọc G, lúc đó Sóc N được 7 tuổi, để lấy lại sổ ghi nợ đã nhận đủ tiền trả nợ, nhưng ông T bà V không xuất trình được chứng cứ nào để chứng minh hoặc thực hiện các biện pháp trình báo chính quyền để chính quyền can thiệp nhằm bảo vệ chính đáng quyền lợi của mình được pháp luật bảo vệ.

Việc bà N khai tại bản tự khai ngày 27/12/2017 là ông T và bà V đã thanh lý toàn bộ tài sản và trả hết khoản nợ đã vay, thu hồi các giấy vay tiền lại đem về nhà ông T; trong khi đó ông T trình bày tại đơn tường trình của ông ngày 17/4/2018 ông cho rằng năm 2011 ông đã hoàn thành số nợ với vợ chồng ông S bà A. Như vậy lời trình bày của ông T và bà N là bất nhất, không nhất quán.

Trong phiên đối chất tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình ngày 16/9/2020, ông Nguyễn Quang S trình bày ông không biết ông Phạm Quang T và bà Lê Bùi Tường V, ông không biết việc bà S cho ông T bà V vay tiền, ông không đến nhà ông T bà V lấy bật cứ khoản tiền nào … Với ý kiến của ông S vừa trình bay thì ông T không đưa ra được lý lẽ nào hoặc chứng cứ nào đối với ông S để tự bảo vệ yêu cầu của mình là có căn cứ và không chịu ký tên vào biên bản đối chất, Tòa án phải mời người làm chứng có chứng kiến việc Tòa án lập biên bản đối chất giữa ông T với ông S; nhưng ông T không chịu ký tên vào biên bản đối chất.

Phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ của vụ án do nguyên đơn và bị đơn xuất trình và căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày của các đương sự có tại hồ sơ; căn cứ các quy định của pháp luật:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hà Thúy A.

Từ những nhận định nêu trên và theo ý kiến pháp biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hà Thúy A là hợp lẽ.

Về án phí: Do yêu cầu của ông Phạm Quang T và bà Lê Bùi Tường V không được Tòa án chấp nhận nên ông T bà V phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà Hà Thúy A theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ điểm b tiểu mục 1.3 mục 1, phần II, Danh mục mức án phí, lệ phí tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

TUYÊN XỬ:

1/ Chấp nhận tòa bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Hà Thúy A;

- Buộc ông Phạm Quang T trả cho bà Hà Thúy A số tiền 220.000.000 (hai trăm, hai mươi triệu) đồng.

- Buộc bà Lê Bùi Tường V phải trả cho bà Hà Thúy A 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng.

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp ông Phạm Quang T, bà Lê Bùi Tường V chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Quang T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.000.000 đồng (mười môt triệu) đồng.

- Bà Lê Bùi Tường V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.900.000 đồng (bốn triệu, chín trăm ngàn) đồng.

- Hoàn lại cho bà Hà Thúy A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005975 ngày 21/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/ Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM ;
- VKSND Q. Tân Bình ;
- Chi cục THADS Q.TânBình ;
- Các đương sự ;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Đức

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM ;
- VKSND Q. Tân Bình ;
- Chi cục THADS Q.TânBình ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự ;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án ;

Võ Văn Đức